

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS - PT

Ngày 19 - 4 - 2023

*“Tranh chấp chia di sản thừa kế”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Mai

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thúy Mai

Ông Nguyễn Xuân Trọng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa:**  
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1941; trú tại: Phường K, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá V: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; trú tại: Phường K, quận H, thành phố Hà Nội; anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1991; trú tại: quận H, thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2022) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1955; trú tại: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn P: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; trú tại: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo giấy ủy quyền 23/12/2021) (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1958; trú tại: Thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn S: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959 (Theo giấy ủy quyền ngày 22/12/2021) (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1937;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K1: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 (Theo giấy ủy quyền ngày 09/3/2022) (vắng mặt);

Đều trú tại: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Bá V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Văn B (chết ngày 08/6/1983) và cụ Nguyễn Thị K2 (chết ngày 23/4/2005) có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị K1, ông Nguyễn Bá V, ông Nguyễn Văn B (mất ngày 01/5/1968, không có vợ, con), ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn M.

Khi cụ B, cụ K2 chết đều không để lại di chúc. Di sản cụ của B, cụ K2 để lại gồm: Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 02, diện tích 1114m<sup>2</sup> (gồm 300m<sup>2</sup> đất ở và 714m<sup>2</sup> đất vườn), thửa đất số 202 tờ bản đồ số 02 diện tích 448m<sup>2</sup> – đất trồng lúa; thửa đất số 59 tờ bản đồ số 01 diện tích 90m<sup>2</sup> – đất rau màu. Tổng diện tích là 1.652m<sup>2</sup>; địa chỉ tại Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O350426, vào sổ cấp giấy số 00244 QSDĐ/168 do Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 30/12/1999 mang tên chủ sử dụng là hộ bà Trần Thị K2. Trong đó, thửa đất số 400 có nguồn gốc là do cha ông để lại, còn thửa đất số 202 và thửa đất số 59 là được cấp theo tiêu chuẩn của xã viên hợp tác xã nông nghiệp.

Sau khi cụ B chết, cụ K2 trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ các thửa đất và hưởng chế độ gia đình liệt sỹ của con trai Nguyễn Văn B. Năm 1999, cụ K2 chuyển đến sống với vợ chồng con trai út là Nguyễn Văn M tại phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 07/5/2020, gia đình đã họp tại nhà ông P để bàn về việc phân chia di sản do cụ B, cụ K2 để lại. Sau đó, lợi dụng tình hình dịch Covid - 19 phức tạp ông P đã tự ý xây dựng công trình trên thửa đất số 400 mặc dù đã nhiều lần các đồng thừa kế khác đề nghị ông P dừng xây dựng nhưng ông P vẫn cố tình thực hiện việc xây dựng. Gia đình ông đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Bàn Giản và cán bộ xã đã đến lập biên bản, ra quyết định đình chỉ việc xây dựng nhưng đến ngày 16/9/2021, ông P vẫn tiếp tục xây dựng công trình. Đến ngày 23/9/2021, các đồng thừa kế tiếp tục họp để thỏa thuận việc phân chia di sản thừa kế, đồng thời yêu cầu ông P dừng hành vi xây dựng công trình nhưng ông P vẫn tiếp tục thực hiện hành vi xây dựng của mình nhằm mục đích chiếm đoạt di sản thừa kế.

Nay ông đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 400 tờ bản đồ 02 cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: bà

Nguyễn Thị K1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn M và ông theo đúng quy định của pháp luật bằng hiện vật. Khi chia đề nghị trích ra một phần diện tích để làm lối đi chung, trong đó để chiều rộng lối đi vào các thửa đất là 3m. Ngoài ra đối với thửa số 202 tờ bản đồ 02 và thửa số 59 tờ bản đồ 01 ông không đề nghị chia thừa kế.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: xác nhận mối quan hệ gia đình và khối tài sản của cụ Nguyễn Văn B và cụ Nguyễn Thị K2 để lại là thửa đất số 59 tờ bản đồ 01, thửa số 202 tờ bản đồ 02, thửa số 400 tờ bản đồ 02 tổng diện tích là 1652m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp ngày 30/12/1999 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị K2. Khi cụ B và cụ K2 chết không để lại di chúc gì.

Đối với thửa đất số 400 tờ bản đồ 02, khi cụ B, cụ K2 còn sống đã ở trên thửa đất này đến khoảng năm 1987, cụ B mất thì vợ chồng ông có đón cụ K2 lên sống cùng tại thửa đất của vợ chồng ông ở nơi khác (vẫn cùng thôn). Đến khoảng năm 1991 ông M đón cụ K2 lên Phú Thọ sống đến khi cụ K2 mất. Đầu năm 2021 vợ chồng ông và con trai ông là anh Nguyễn Văn S về thửa đất số 400 tờ bản đồ 02 để sinh sống từ đó cho đến nay. Các công trình trên thửa đất do cụ B, cụ K2 xây dựng trước đây nay không còn do để lâu không có người sử dụng. Hiện nay chỉ còn các công trình do vợ chồng ông xây dựng đầu năm 2021 gồm 01 nhà lớn và các công trình phụ (anh S là con chỉ ở cùng không đóng góp gì để xây dựng công trình trên).

Trong khoảng thời gian từ năm 1987 đến đầu năm 2021 thửa đất 400 tờ bản đồ 02 không có ai ở nhưng vợ chồng ông vẫn trông nom, quản lý và nộp thuế. Năm 2020, con ông Nguyễn Bá V là anh Nguyễn Văn T (ông V không có mặt), ông Nguyễn Văn M và ông (không có bà Nguyễn Thị K1) có họp và thống nhất chia thửa đất số 400 tờ bản đồ 02 thành 03 phần. Đến tháng 9 năm 2021, con ông V là anh T (ông V không có mặt), ông M, ông họp gia đình nhưng không thống nhất được việc chia di sản. Đầu năm 2021 gia đình ông có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, khi đang xây được nửa công trình (chưa đổ mái) thì Ủy ban nhân dân xã có vào yêu cầu tạm dừng việc thi công công trình để gia đình thống nhất việc phân chia di sản, nhưng do gia đình đợi lâu quá, có gọi các ông V, ông M về để họp nhưng không ai về nên gia đình tiếp tục xây dựng công trình để lấy chỗ ở (do ngôi nhà, đất cũ trước đang ở thì gia đình đã bán cho người khác).

Nay ông P đề nghị chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 400 tờ bản đồ 02 ông nhất trí đề nghị chia phần đất thổ cư, vườn cho ông vào phần đất gia đình đang ở và đồng ý nhận phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị K1 được hưởng và sẽ thanh toán giá trị tương ứng cho bà K1. Khi chia đề nghị trích ra một phần diện tích để làm lối đi chung, trong đó để chiều rộng lối đi vào các thửa đất là 3m. Đối với thửa số 202 tờ bản đồ 02 và thửa số 59 tờ bản đồ 01 ông không đề nghị chia thừa kế.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Ông Nguyễn Văn M trình bày:* Ông là con của cụ B và cụ K2, ông xác nhận về hoàn cảnh gia đình như ông V, ông P trình bày là đúng. Khi mất bố mẹ ông không để lại di chúc gì. Di sản bố mẹ ông để lại gồm: Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 02, diện tích 1114m<sup>2</sup> (gồm 300m<sup>2</sup> đất ở và 714m<sup>2</sup> đất vườn), thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, diện tích 448m<sup>2</sup>, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 01, diện tích 90m<sup>2</sup>. Các thửa đất trên có tổng diện tích là 1652m<sup>2</sup>, địa chỉ tại Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O350426, vào sổ cấp giấy số 00244/QSĐĐ/168 do Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 30/12/1999, đứng tên chủ sử dụng là hộ bà Nguyễn Thị K2.

Nay ông M yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 400, tờ bản đồ số 02 cho các đồng thừa kế, ông đồng ý, ông đề nghị trích ra một phần diện tích để làm lối đi chung, trong đó để chiều rộng lối đi vào các thửa đất là 3m. Đối với thửa đất số 202 tờ bản đồ số 02, thửa đất số 59 tờ bản đồ số 01 ông cũng không đề nghị chia thừa kế.

*Bà Nguyễn Thị K1, người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà là con của cụ B và cụ K2, bà xác nhận về hoàn cảnh gia đình như ông V, ông P trình bày là đúng. Khi mất bố mẹ bà không để lại di chúc gì. Di sản bố mẹ bà để lại gồm: Thửa đất số 400, tờ bản đồ số 02, diện tích 1114m<sup>2</sup> (gồm 300m<sup>2</sup> đất ở và 714m<sup>2</sup> đất vườn), thửa đất số 202, tờ bản đồ số 02, diện tích 448m<sup>2</sup>, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 01, diện tích 90m<sup>2</sup>. Các thửa đất trên có tổng diện tích là 1652m<sup>2</sup>, địa chỉ tại Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O350426, vào sổ cấp giấy số 00244/QSĐĐ/168 do Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 30/12/1999, đứng tên chủ sử dụng là hộ bà Nguyễn Thị K2.

Nay ông M yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 400, tờ bản đồ số 02 cho các đồng thừa kế, bà đồng ý, phần bà được hưởng bà để lại cho ông P được sử dụng, ông P phải thanh toán giá trị tương ứng cho bà. Bà đề nghị khi chia thừa kế thì trích ra một phần diện tích để làm lối đi chung, trong đó để chiều rộng lối đi vào các thửa đất là 3m. Đối với thửa đất số 202 tờ bản đồ số 02, thửa đất số 59 tờ bản đồ số 01 bà cũng không đề nghị chia thừa kế.

*Bà Nguyễn Thị K trình bày:* Nhất trí như quan điểm trình bày như của ông Nguyễn Văn P, không bổ sung thêm gì.

*Anh Nguyễn Văn S, người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Anh là con trai của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị K. Đối với thửa đất số 400 tờ bản đồ số 02 tại Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc là của ông bà nội anh là cụ Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị K2 để lại. Đối với việc nộp thuế cho thửa đất số 400, tờ bản đồ số 02 từ trước đến nay là do ông P, bà K đứng ra nộp thuế. Tuy nhiên, có thời điểm bố mẹ anh ốm nên có nhờ anh nộp thuế hộ đối với thửa đất của cụ K2, anh xác định phiếu thu số 0027942 ngày 10/11/2012 là do anh nộp hộ ông P, bà K đối với thửa đất của cụ K2 và nộp thuế đất ở tại nông thôn số tiền nộp là 18.000đồng. Đối với biên lai thu thuế số 0024754 ngày 12/6/2014 là anh nộp thuế cho thửa đất của vợ chồng anh tại thôn X, xã B không liên quan

đến thửa đất của cụ K2. Đến đầu năm 2021, anh cùng bố mẹ anh là ông P, bà K về tại thửa đất số 400, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã B để ở từ đó đến nay. Khi về ở trên đất bố mẹ anh có đứng ra xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 cùng các công trình, cây cối lâm lộc trên đất. Anh xác định toàn bộ các công trình trên đất là do bố mẹ anh đứng ra làm, anh không đóng góp gì vào việc xây dựng các công trình trên đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 633, 634, 635, 638, 640, 674, 675, 676, 683, 685 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 677, 678, 679, 686, 688, 641, 642, 643 Bộ luật dân sự năm 1995; điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 616, 618, 623, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá V về việc chia di sản thừa kế.

Trích 109,3m<sup>2</sup> đất (đất trồng cây lâu năm) làm lối đi chung, có các chiều tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất ông V được chia có chiều dài 16,36m; phía Tây giáp đường dân sinh có chiều dài 3,13m, giáp thửa đất ông V được chia có chiều dài 3,39m + 11,66m, giáp thửa đất ông M được chia 3m; Phía Nam giáp thửa đất ông Nguyễn Công Thành có chiều dài 16,77m + 1,08m; phía Đông giáp thửa đất ông Nguyễn Công Thuyên có chiều dài 2,07m + 1,89m + 1,89m + 10,21m, giáp thửa đất ông P được chia 4,98m là hình 11-12-13-14-15-16-17-18-24-23-22-25-11 Trên đất có 01 công sất.

Chia cho ông Nguyễn Bá V 280,55m<sup>2</sup> đất (trong đó có 75m<sup>2</sup> đất thổ cư, 205,55 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), có các chiều tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất ông M được chia có chiều dài 20,07m; phía Tây giáp thửa đất ông Hàng xóm 3 có chiều dài 3,02m + 0,18m + 12,88m, giáp đường dân sinh 3,13m; Phía Nam giáp lối đi chung có chiều dài 16,36m; phía Đông giáp lối đi chung có chiều dài 3,39m + 11,6m là hình 18-19-20-21-22-23-24-18. Và tài sản, cây cối lâm lộc trên đất.

Chia cho ông Nguyễn Văn P 481m<sup>2</sup> đất (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất thổ cư 331 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) có các chiều tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất ông Hàng xóm 1 có chiều dài 14,53m; phía Đông giáp Đồng Mỏ có các chiều 2,72m + 8,06m + 0,84m + 11,08m + 5,71m; phía Nam giáp thửa đất ông Nguyễn Công Thuyên có các chiều 10,96m + 6,40m; phía Tây giáp lối đi chung 4,99m, giáp thửa đất ông M được chia 13,35m, giáp thửa đất ông Hàng xóm 2 12,22m là hình 2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-25-2. Và tài sản, cây cối lâm lộc trên đất.

Chia cho ông Nguyễn Văn M 280,55m<sup>2</sup> đất (trong đó có 75m<sup>2</sup> đất thổ cư 205,55 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), có các chiều tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất ông Hàng xóm 2 có chiều dài 16,48m; Phía Tây giáp thửa đất ông Hàng xóm 3

có chiều dài 13,96m; phía Nam giáp thửa đất ông V được chia 20,07m, giáp lối đi chung 3m là hình 1-2-25-22-21-1. Và tài sản, cây cối lâm lộc trên đất.

(Các thửa đất có sơ đồ kèm theo).

- Ông Nguyễn Văn P phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị K1 113.723.250 đồng là giá trị tài sản được chia.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 13 tháng 10 năm 2022 ông Nguyễn Bá V kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đề nghị được chia thừa kế giao phần đất có công trình phụ của ông P, nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị công trình cho ông P. Đồng thời dành lối cổng đi cho ông P là 2,5 m.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Bá V làm trong hạn luật định hợp lệ cần chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P và người đại diện theo ủy quyền của ông P là bà Nguyễn Thị K; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K1 và người đại diện theo ủy quyền của bà K1 là anh Nguyễn Văn H1 nhưng các đương sự trên đều không nhận giấy triệu tập và vắng mặt. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Ông V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi vi phạm của ông P trong việc tự ý xây dựng công trình trên đất và đề nghị chia lại di sản thừa kế. Cụ thể nguyên đơn xin được sử dụng phần đất có công trình phụ của ông P, nguyên đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông P. Đồng thời phần đất có công trình phụ còn thiếu so với suất thừa kế đề nghị chia thêm cho ông V. Tức là hai diện tích trước đây Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông P, ông M nay đề nghị được chia mỗi diện tích làm hai phần cho ông V và ông P; còn diện tích Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông V nay chia cho ông M. Lý do phần đất đã chia cho ông P sẽ được mở đường chạy qua, hiện nay là cánh đồng nên đề nghị chia lại như trên để thuận lợi cho việc sử dụng của ông V. Tại phiên tòa ông M nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và xin nhận phần diện tích đất Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông V.

Xét kháng cáo của Nguyên đơn thấy rằng:

Cụ Nguyễn Văn B và cụ Nguyễn Thị K2 có tài sản để lại là thửa đất số 400, tờ bản đồ 02 diện tích 1.114m<sup>2</sup> (gồm 300m<sup>2</sup> đất ở và 714m<sup>2</sup> đất vườn) tại Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Diện tích thực tế qua đo đạc của thửa 400 tờ bản đồ 02 có diện tích là 1.151,4m<sup>2</sup>, tăng lên 37,4m<sup>2</sup>. Qua xác minh tại

địa phương thì phần diện tích tăng thêm là do sai số đo đạc, đất sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch của địa phương, không có tranh chấp với các hộ liền kề nên cần xác định di sản thừa kế 1.151,4m<sup>2</sup>. Về thời hiệu chia thừa kế, diện và hàng thừa kế như cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

Về cách chia thừa kế: Các đương sự đề nghị chia làm 4 suất thừa kế nhưng trước khi chia thừa kế sẽ trích lại một phần đất trồng cây lâu năm để làm lối đi chung nên cấp sơ thẩm đã xác định lối đi chung diện tích là 109,3m<sup>2</sup>. Còn lại về nguyên tắc mỗi người được hưởng một phần là:  $1.042,1\text{m}^2/4 = 260,525\text{m}^2$  (trong đó có 75m<sup>2</sup> đất thổ cư và 185,525m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) trị giá là:  $700.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 75\text{m}^2 + 330.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 185,525\text{m}^2 = 113.723.250$  đồng.

Phần của bà K1, ông P và bà K1 thông nhất bà K1 để lại cho ông P và ông P phải thanh toán giá trị tương ứng cho bà K1. Vì vậy ông P sẽ được hưởng hai suất thừa kế bằng đất; ông V, ông M mỗi người được hưởng 260,525m<sup>2</sup> (trong đó 185,525m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 75m<sup>2</sup> đất thổ cư).

Tuy nhiên căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và ý kiến của bị đơn về việc bị đơn đã tự ý xây dựng công trình trên đất không được sự nhất trí của các đồng thừa kế nên bị đơn xin tự nhận phần diện tích ít hơn so với các đồng thừa kế khác. Qua xem xét thẩm định thấy phần đất mà bị đơn đang sử dụng có các công trình trên đất có diện tích là 481m<sup>2</sup> nhỏ hơn diện tích đất bị đơn lẽ ra được chia là 521,05m<sup>2</sup>.

Do vậy cấp sơ thẩm đã xác định phần diện tích đất làm lối đi chung là: 109,3m<sup>2</sup>; Phần diện tích đất ông P được chia là: 481m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất thổ cư 331 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm; Phần diện tích đất ông M được chia là:  $(1151,4\text{m}^2 - 109,3\text{m}^2 - 481\text{m}^2)/2 = 280,55\text{m}^2$  (trong đó có 75m<sup>2</sup> đất thổ cư 205,55 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm; Phần diện tích đất ông V được chia là 280,55m<sup>2</sup> (trong đó có 75m<sup>2</sup> đất thổ cư 205,55 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Ông V, ông M không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông P. Đồng thời ông P phải thanh toán cho bà K1 113.723.250 đồng.

Nay ông V kháng cáo đề nghị chia lại với lý do thuận tiện cho việc sử dụng khi con đường đang được hình thành đi qua thửa đất đã giao cho ông P nhưng không có căn cứ gì chứng minh. Mặt khác việc giao đất như trên sẽ dẫn đến các thửa đất không liền thổ khó khăn cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp sơ thẩm đã chia như trên là hoàn toàn phù hợp vì ông V đã được chia thửa đất ngoài cùng gần lối công, diện tích đất trống không cất vào công trình nào trên đất. Diện tích được chia cho ông V và ông M đều thừa so với kỷ phần được hưởng thừa kế là 20,025 m<sup>2</sup> trong khi ông P được chia phần diện tích ít hơn so với kỷ phần 2 suất thừa kế là 40,05 m<sup>2</sup> đất.

Trong vụ án này bị đơn ông P có hành vi tự ý xây dựng công trình trên đất nên phía nguyên đơn đề nghị xem xét hành vi vi phạm của ông P về việc tự ý xây dựng công trình trên đất nhưng nội dung này không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Do vậy kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá V. Giữ nguyên bản án số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Bá V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thuý Mai**